TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN HAI BÀ TRƯNG
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **46/**2019/HNGĐ-ST
Ngày: 21/11/2019
V/v ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HAI BÀ TRƯNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Hữu Nam**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Lê Văn Châu**

Ông **Vũ Mạnh Huề**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Lệ Phương** - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng tham gia phiên tòa: Bà **Trần Trà Giang** - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 498/2019/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2019 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 122/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 91/2019/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **NTNQ**, sinh năm 19...

Nơi ĐKHK thường trú: Số ....., hẻm ....., phố M, phường V, quận H, thành phố Hà Nội. Nơi cư trú hiện tại: Số ....., ngách ...., ngõ T, phố T, phường T, quận H, thành phố Hà Nội. - *Có mặt.*

2. Bị đơn: Anh **NXT**, sinh năm 19...

Nơi ĐKHK thường trú: Số ....., hẻm ....., phố M, phường V, quận H, thành phố Hà Nội. - *Vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn xin ly hôn ngày 06/6/2019, Bản tự khai ngày 26/7/2019, 11/10/2019, Biên bản phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, nguyên đơn là chị **NTNQ** trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh NXT đăng ký kết hôn ngày 06/7/2015 tại Uỷ ban nhân dân phường B, quận H, thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại nhà bố mẹ đẻ anh T ở số....., hẻm ....., phố M, phường V. Trước khi kết hôn với chị, anh T đã kết hôn, có 01 con chung với người phụ nữ khác, nhưng sau đó đã ly hôn và anh T không trực tiếp nuôi con, không cấp dưỡng cho con. Chị nghĩ rằng anh T từng đổ vỡ trong hôn nhân, sẽ biết quý trọng và yêu thương gia đình, nên chị quyết định kết hôn với anh T. Trong quá trình chung sống, chị và anh T phát sinh rất nhiều mâu thuẫn. Về tình cảm, anh T có quan hệ ngoài hôn nhân và có 01 con gái chung với một người phụ nữ tên là NA trước khi anh T có con chung với chị. Chị nhiều lần thấy những tin nhắn, hình ảnh của anh T và người phụ nữ này, nhưng mỗi lần chị hỏi, anh T đều cáu gắt, quát mắng, đe dọa tinh thần chị, thậm chí mắng chửi bố mẹ chị thậm tệ, trong khi bố mẹ chị không biết và không can thiệp vào chuyện của vợ chồng chị. Sau đó, anh T sang nhà người phụ nữ kia ở vài ngày. Chị đã khuyên can rất nhiều, nhưng anh T chỉ hứa mà không thực hiện và càng ít về nhà dẫn đến tình trạng vợ chồng không còn quan tâm, yêu thương, trách nhiệm với nhau. Chị đã nghĩ đến việc ly hôn vì không còn hạnh phúc và chưa có con chung. Về tài chính, khi mới kết hôn, anh T nhờ bố mẹ chị vay số tiền 400.000.000 đồng để làm ăn, trong 2 năm đầu anh T vẫn trả tiền lãi nhưng không trả tiền gốc. Về tiền đóng góp cho gia đình chồng, một mình chị đi làm và đóng góp chi phí sinh hoạt, anh T không đưa một đồng nào, thậm chí chị phải bù tiền trả nợ hàng tháng cho anh T. Chị muốn quản lý tài chính gia đình, nhưng anh T nói làm ăn không tốt, chưa đưa tiền cho gia đình được. Vì chị phải lo chi trả quá nhiều khoản sinh hoạt gia đình, mà anh T không quan tâm, không có trách nhiệm, nên vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã. Thời gian chị mang thai cháu NTK là lúc chị cảm thấy mệt mỏi, bế tắc nhất, anh T thường xuyên đi vắng, không quan tâm vợ con, không đưa tiền cho chị để lo sinh hoạt, thăm khám. Chị phải nghỉ làm vì mang thai khó khăn, hạn chế đi lại, chỉ có bố mẹ hai bên giúp đỡ tài chính, động viên tinh thần. Sau sinh con 1 tháng, chị về nhà bố mẹ đẻ ở tỉnh Thái Bình để nhờ bố mẹ chăm sóc trong 3 tháng, nhưng anh T không về thăm lần nào, chỉ thỉnh thoảng gọi điện hỏi thăm qua loa. Chị thấy tủi thân vô cùng, thường xuyên rơi vào tình trạng suy nghĩ nhiều và đau khổ sau sinh, lúc nào cũng nghĩ đến việc ly hôn. Sau 4 tháng nghỉ thai sản, chị về nhà bố mẹ chồng ở để mẹ chồng giúp đỡ nuôi con. Đến tháng 3/2018, anh T thông báo với gia đình là làm ăn thua lỗ, vay mượn ngoài xã hội hơn 01 tỷ đồng và không có khả năng

chi trả. Từ tháng 4/2018, anh T bỏ nhà đi trốn nợ, để chị, con nhỏ và bố mẹ gánh nợ. Hơn 30 chủ nợ ngoài xã hội, mỗi tốp có khoảng 4 - 7 người thanh niên xăm trổ hung bạo mang theo giấy vay đến nhà đòi nợ. Thời gian đầu, bố mẹ anh T chưa vay được tiền để trả nợ, các chủ nợ ngày nào cũng đến mắng chửi, đe dọa, uy hiếp gia đình, có tốp mang theo cả hung khí như dao, tuýp đến để dọa dẫm, ném chất bẩn, chất thải vào cửa nhà lúc nửa đêm để gây áp lực. Gia đình đã báo cáo với cán bộ công an phụ trách khu vực để có biện pháp. Thời gian đó, cháu K còn rất nhỏ nhưng chị phải gửi cháu cho ông bà ngoại chăm sóc để tránh bị đe dọa và những trường hợp xấu xảy ra do đối tượng đến đòi nợ rất manh động, còn chị vẫn ở lại để đi làm và trả nợ cho anh T. Sau đó 01 tháng, bố mẹ anh T vay được tiền và bắt đầu trả nợ, chị mới biết anh T đã mang giấy khai sinh của con, sổ hộ khẩu, bằng đại học của chị và nhiều loại giấy tờ khác để cầm cố vay tiền, chị thất vọng và mệt mỏi đến cùng cực. Anh T cũng không có khả năng chi trả khoản nợ 400.000.000 đồng mà bố mẹ chị vay hộ anh T, nên bố mẹ chị và chị thống nhất sẽ tự trả. Trong khi đó, anh T không quan tâm hỏi thăm việc trả nợ, cuộc sống gia đình, mà tiếp tục bỏ trốn và sống cùng người phụ nữ tên là Ngọc Anh. Chị không thể chịu đựng thêm được, đã bày tỏ quan điểm với bố mẹ hai bên và anh T về việc ly hôn. Bố mẹ hai bên tôn trọng quyết định của các con, còn anh T không có ý kiến phản hồi. Từ tháng 10/2018, chị thuê nhà nơi khác để ở và gửi cháu K nhờ bố mẹ chị chăm sóc. Hàng tháng chị gửi tiền về để bố mẹ chăm cháu và mỗi tháng chị về thăm cháu 2 lần vào cuối tuần. Thời gian đầu, anh T thỉnh thoảng liên lạc qua điện thoại để hỏi thăm tình hình của con, chị có khuyên bảo anh T đi làm kiếm tiền đỡ đần bố mẹ và chị trả nợ. Chị đề cập đến chuyện ly hôn, nhưng anh T không nói gì, còn mắng chửi chị và bố mẹ chị thậm tệ. Ban đầu, chị nghĩ do áp lực trả nợ, nên anh T thiếu suy nghĩ, nhưng sau thời gian dài anh T vẫn không biết suy nghĩ, không hối lỗi, cũng không quay về với gia đình để cùng trả nợ, cắt đứt liên lạc với chị, không hỏi thăm chị và con. Chị nhiều lần hỏi xin số điện thoại của anh T từ bố mẹ anh T để cùng nhau đến Tòa án xin ly hôn, nhưng bố mẹ anh T nói không biết số nào, anh T thỉnh thoảng liên lạc với bố mẹ đẻ bằng số lạ mà không gọi lại được. Bố mẹ anh T đã trả gần hết nợ, nhưng anh T không có ý định quay về với gia đình để làm lại cuộc sống từ đầu. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn. Vợ chồng không còn tôn trọng nhau, mâu thuẫn trầm trọng kéo dài, đời sống chung đã chấm dứt gần 2 năm nay, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị xin được ly hôn để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị và anh T có 01 con chung là cháu NTK, sinh ngày .../.../20.... Nay xin ly hôn, chị yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cháu K và không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con do anh T không có việc làm, thu nhập, hiện phải đi trốn nợ.

Về tài sản chung, nhà ở chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Chị và anh T không có, chị không yêu cầu giải quyết.

Tòa án đã tống đạt, niêm yết công khai hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo triệu tập đối với bị đơn là anh **NXT** để anh T biết những vấn đề cụ thể mà chị NTNQ yêu cầu Tòa án giải quyết, đồng thời triệu tập anh T đến Tòa án để thực hiện các quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn. Tuy nhiên, anh T không có mặt theo thông báo triệu tập của Tòa án để làm bản tự khai, không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của chị Q, không cung cấp, giao nộp tài liệu, chứng cứ, không chứng minh để tự bảo vệ hoặc nhờ người khác bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình, không đưa ra yêu cầu phản tố. Anh T không sinh sống tại địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú, nhưng không thông báo cho đương sự khác và Tòa án biết về nơi cư trú hiện tại được coi là cố tình giấu địa chỉ. Do anh T không thực hiện nghĩa vụ của đương sự, nên phải chịu hậu quả do Bộ luật Tố tụng dân sự quy định, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ mà chị Q đã giao nộp và Tòa án đã thu thập theo quy định tại Điều 97 của Bộ luật Tố tụng dân sự để giải quyết vụ án. Tiếp theo, Tòa án đã tống đạt, niêm yết công khai hợp lệ Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh T không tham gia phiên họp. Sau đó, Tòa án đã tống đạt, niêm yết công khai hợp lệ Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, Giấy triệu tập phiên tòa. Đồng thời, theo yêu cầu của chị Q, Tòa án đã thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng về yêu cầu khởi kiện của chị Q và thời gian, địa điểm mở phiên tòa.

Tòa án đã mời bà NTHD là mẹ đẻ của anh T đến Tòa án để cung cấp thông tin, tài liệu, trình bày những tình tiết mà mình biết có liên quan đến vụ án. Bà D không đến Tòa án, nhưng có gửi Đơn trình bày ngày 26/9/2019 với nội dung: Tháng 7/2015, chị Q, anh T kết hôn và sống tại nhà bà D ở số ....., hẻm ....., phố M, phường V, quận H, thành phố Hà Nội. Tháng 7/2017, chị Q, anh T có con chung là cháu NTK. Đến tháng 4/2018, do làm ăn thua lỗ, vay nợ ngoài, nên anh T bỏ đi, không liên lạc được, nên gia đình ly tán mỗi người một nơi. Nay chị Q xin ly hôn do cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, gia đình bà tôn trọng ý kiến của chị Q, đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại Đơn ngày 25/9/2019, ông NVQ là bố đẻ của chị Q trình bày: Tháng 7/2015, chị Q kết hôn với anh T và sinh sống tại nhà bố mẹ đẻ của anh T. Trước đó, anh T đã kết hôn với một người phụ nữ khác. Sau khi cưới, anh T nhờ vợ chồng ông vay ngân hàng số tiền 400.000.000 đồng để mua xe ôtô làm ăn. Sau

một thời gian chung sống, chị Q tâm sự cuộc sống vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, từ năm 2016 anh T có quan hệ với người phụ nữ tên là NA sinh năm 19....và có 01 con chung, anh T thường không về nhà với lý do bận đi làm. Chị Q và hai bên gia đình đã khuyên bảo rất nhiều, nhưng anh T không có ý định chấm dứt mối quan hệ trên, nên vợ chồng thường xảy ra cãi vã. Sau khi chị Q sinh con là cháu NTK, anh T cũng không lo lắng cho cuộc sống gia đình, mà thường về nhà yêu cầu chị Q đưa tiền để trả nợ. Ông có hỏi thăm về công việc, thì anh T chỉ trả lời làm ăn gặp nhiều khó khăn. Chị Q mới sinh con, nghỉ làm ở nhà không có tiền đưa anh T, ông lên thăm con chứng kiến chị Q bị anh T quát mắng. Tháng 4/2018, anh T thông báo với gia đình có vay tiền làm ăn với nhiều khoản nợ lên đến 1,5 tỷ đồng, không có khả năng chi trả. Anh T bỏ nhà đi, không liên lạc với gia đình, không có trách nhiệm trả nợ. Hơn 30 chủ nợ đến nhà đòi nợ, đe dọa, ném chất bẩn, chất thải vào nhà, chỉ có mẹ đẻ của anh T và chị Q đứng ra gặp mặt, trả nợ dần cho các chủ nợ. Từ tháng 10/2018, chị Q gửi cháu K về tỉnh Thái Bình cho vợ chồng ông trông nom, chăm sóc, còn chị Q đi thuê nhà khác để ở. Hàng tháng, chị Q vẫn gửi tiền về cho ông để trả nợ và nuôi cháu K. Nay chị Q xin ly hôn, gia đình ông tôn trọng quyết định của chị Q.

Tại Biên bản xác minh ngày 26/9/2019, Công an khu vực phường V cung cấp: Năm 2015, chị Q kết hôn với anh T, chuyển hộ khẩu và về sinh sống cùng bố mẹ anh T. Quá trình chung sống, đến năm 2017 vợ chồng xảy ra cãi vã, anh T bỏ nhà đi, không xác định được nơi ở. Tại Biên bản xác minh ngày 26/9/2019, Tổ trưởng Tổ ...., phường V cung cấp: Chị Q, anh T phát sinh mâu thuẫn do anh T vay nợ, bị chủ nợ đến uy hiếp, đe dọa, ném chất thải vào nhà, anh T bỏ đi, không có trách nhiệm với gia đình.

Tại phiên tòa, chị Q không rút đơn xin ly hôn, anh T vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký Tòa án thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước khi mở phiên tòa. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại phiên tòa. Chị Q chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Q. Về con chung: Giao cháu K cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng, anh T có quyền thăm nom, không ai được cản trở. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét. Về án phí: Tòa án xác định án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị NTNQ khởi kiện vụ án hôn nhân và gia đình về việc ly hôn đối với anh NXT đăng ký hộ khẩu thường trú tại số....., hẻm ....., phố M, phường V, quận H, thành phố Hà Nội. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng.

[2] Về việc xét xử trong trường hợp đương sự vắng mặt tại phiên tòa: Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai, anh NXT là bị đơn không có yêu cầu phản tố vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh T.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị NTNQ và anh NXT tự nguyện đăng ký kết hôn ngày ..../..../20... tại Ủy ban nhân dân phường B, quận H, thành phố Hà Nội, quan hệ hôn nhân giữa chị Q và anh T là hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh T, chị Q chung sống tại nhà của bố mẹ đẻ của anh T tại số....., hẻm ....., phố M, phường V, quận H, thành phố Hà Nội. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính cách. Sau đó, anh T làm ăn thua lỗ nhưng không có trách nhiệm trả nợ, bỏ đi nơi khác, không thực hiện nghĩa vụ sống chung, thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ, chia sẻ, thực hiện các công việc của gia đình. Chị Q không thể tiếp tục sinh sống tại nhà của bố mẹ anh T nữa, nên từ tháng 10/2018 đến nay chị Q đã thuê nhà khác để ở, vợ chồng không còn liên hệ với nhau. Xét thấy, anh T đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Q, giải quyết cho chị Q được ly hôn anh T.

[4] Về con chung: Chị NTNQ và anh NXT có 01 con chung là cháu NTK, sinh ngày ..../..../20....., hiện do chị Q nuôi dưỡng, sức khỏe bình thường. Nay xin ly hôn, chị Q yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu K. Hiện chị Q làm nhân viên kế toán tại Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại VS, tổng thu nhập 10.200.000 đồng/tháng. Xét thấy, cháu K hiện dưới 36 tháng tuổi, chị Q có đủ điều kiện để trực tiếp nuôi con, chị Q và anh T không có thỏa thuận khác phù

hợp với lợi ích của con. Căn cứ vào khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án giao cháu K cho chị Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi ly hôn cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Theo quy định tại khoản 2 Điều 82, Điều 110 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, anh T không trực tiếp nuôi con, nên có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Tuy nhiên, do chị Q không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con, nên Tòa án không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nhà ở chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Chị NTNQ khai không có, không yêu cầu giải quyết, anh NXT không có ý kiến, nên Tòa án không xem xét.

[6] Về án phí: Chị NTNQ là nguyên đơn, nên căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Q phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Về lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: Chị NTNQ yêu cầu thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng, nên căn cứ vào Điều 180 của Bộ luật Tố tụng dân sự, chị Q phải chịu lệ phí, xác nhận chị Q đã nộp đủ 3.000.000 đồng lệ phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 57, 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 180; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; các Điều 235, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị NTNQ đối với anh NXT. Chị Q được ly hôn anh T.

2. Về con chung:

- Chị NTNQ và anh NXT có 01 con chung là cháu NTK, sinh ngày .../.../20....

- Giao cháu NTK cho chị NTNQ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi ly hôn cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Chị Q không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con, nên Tòa án không xem xét.

- Anh NXT có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nhà ở chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Chị NTNQ, anh NXT không yêu cầu giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

4. Về án phí: Chị NTNQ phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0002614 ngày 15/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

5. Về lệ phí: Chị NTNQ phải chịu 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng, xác nhận chị Q đã nộp đủ lệ phí.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7. Chị NTNQ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh NXT có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND quận Hai Bà Trưng;
- UBND phường B;
  (CNKH số...., ngày .../.../20..)
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Hữu Nam